

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ, việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ, việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng (sau đây gọi là tiền

bảo vệ, phát triển đất trồng lúa); nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

## 2. Đối tượng áp dụng

Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

### **Điều 2. Mức nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa**

Mức nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	=	50%	(x)	Diện tích	(x)	Giá của loại đất trồng lúa
---	---	-----	-----	-----------	-----	----------------------------

Trong đó:

Diện tích: là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp (ghi cụ thể trong quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp của cơ quan, người có thẩm quyền).

Giá của loại đất trồng lúa: được xác định theo giá đất trồng cây hàng năm tại Bảng giá đất do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

Số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa thực hiện nộp 100% vào ngân sách tỉnh.

### **Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ**

#### 1. Nguyên tắc hỗ trợ

Nguồn kinh phí thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định và nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa ở các vùng quy hoạch trồng lúa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo nguyên tắc:

a) Đối với các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) có diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp có phát sinh số thu trong năm được hỗ trợ 30% số thu được để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Số kinh phí còn lại được tính bằng 100% và phân bổ như sau

Hỗ trợ tối đa 30% tổng nguồn kinh phí đất trồng lúa cho các đơn vị cấp tỉnh theo nhu cầu đề xuất để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này

Số kinh phí còn lại hỗ trợ cho cấp xã (bao gồm cả các xã được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này) để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Đối với cấp xã được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết thực hiện hoàn trả về ngân sách tỉnh để thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

2. Phạm vi hỗ trợ: Vùng quy hoạch trồng lúa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

Hỗ trợ kinh phí sử dụng giống lúa hợp pháp (giống lúa được cơ quan có thẩm quyền cấp quyết định lưu hành) để sản xuất; mức hỗ trợ theo thực tế, tối đa không quá 2.000.000 đồng/ha/vụ.

Hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hỗ trợ kinh phí chi hoạt động khuyến nông, tổ chức đào tạo, tập huấn và hỗ trợ kinh phí thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần: Nội dung thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã theo dự toán được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt căn cứ vào định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ (giống lúa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hàng năm), mức hỗ trợ theo thực tế, tối đa không quá 1 tỷ đồng/giống lúa.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung được hỗ trợ và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Số kinh phí thu được trong năm chưa phân bổ thực hiện chuyển nguồn sang năm sau để phân bổ theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này. Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã trong năm chưa sử dụng thực hiện chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều này. Các đơn vị sử dụng nguồn hỗ trợ thực hiện chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, thực hiện Nghị quyết.
2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2026 và bãi bỏ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ, việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh (01 bản);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Việt Oanh**